

Số: 07 /2022/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay  
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020  
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-  
CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và  
biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang thông qua Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay  
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát  
triển tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025, như sau:

TT	Lĩnh vực đầu tư, cho vay
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục, y tế</b>
1	Đầu tư xây dựng, mở rộng trường học, trung tâm đào tạo nghề; dạy nghề chất lượng cao.
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; mua sắm trang thiết bị y tế công nghệ cao.

TT	Lĩnh vực đầu tư, cho vay
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực công nghiệp</b>
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.
2	Đầu tư dự án công nghiệp phụ trợ.
3	Đầu tư dự án cơ khí chế tạo phục vụ sản xuất, chế biến trong công nghiệp, nông nghiệp.
4	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp.
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và phát triển nông thôn</b>
1	Đầu tư các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.
2	Đầu tư các dự án phục vụ sản xuất, phát triển ngư nghiệp, kinh tế biển và nuôi trồng thủy sản thâm canh công nghệ cao.
3	Đầu tư các dự án phục vụ phát triển lâm nghiệp, bảo vệ rừng phòng hộ, dự án bảo tồn sinh thái.
4	Đầu tư kho lạnh, cơ sở bảo quản nông sản sau thu hoạch.
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực môi trường, năng lượng, công nghệ thông tin</b>
1	Đầu tư nhà máy, hệ thống cấp nước sạch, dự án chuyển đổi nguồn sử dụng nước mặt, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải, đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
2	Đầu tư phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác vệ sinh môi trường.
3	Đầu tư cải tạo và phát triển lưới điện phân phối; đầu tư ngầm hóa công trình điện; đầu tư di dời lưới điện; đầu tư phát triển năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng tái tạo khác.
4	Đầu tư các dự án viễn thông, khu công nghệ thông tin; khu công viên phần mềm.
5	Di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất kinh doanh ra khỏi đô thị, khu dân cư.
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực nhà ở</b>
1	Đầu tư xây dựng phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên...).
2	Đầu tư khu tái định cư.
3	Đầu tư đường giao thông và khai thác quỹ đất hai bên đường.

TT	Lĩnh vực đầu tư, cho vay
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thương mại</b>
1	Đầu tư các công trình thể thao, trung tâm văn hóa.
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo: Khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương.
3	Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng chợ nông thôn, chợ đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị.
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>
1	Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe và trạm dừng nghỉ.
2	Xây dựng trung tâm đào tạo và sát hạch giấy phép lái xe, trung tâm đăng kiểm xe cơ giới đường bộ, trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.
3	Đầu tư, phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng.
<b>VIII</b>	<b>Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa được khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh.</b>
<b>IX</b>	<b>Đối với các lĩnh vực khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi được sự thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.</b>

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 02 năm 2022 và thay thế Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh thuộc đối tượng đầu tư trực tiếp, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính; Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *luân*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- VP: LĐVP, TT. Tin học và Công báo
- Công TTĐT tỉnh, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, (Luân).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



*Trần Văn Dũng*